

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	5 – 47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Văn phòng giao dịch đặt tại tầng 3B, số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn



AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD

Số : 279./2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.807.652.399.920	1.421.914.623.582
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	38.677.037.148	57.924.371.013
1.	Tiền	111		34.817.457.815	42.624.371.013
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.859.579.333	15.300.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.320.000.000	1.320.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.320.000.000	1.320.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		856.705.746.449	763.060.656.581
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	192.547.220.622	219.474.757.239
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	421.574.909.943	299.766.706.296
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	643.750.000	843.750.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	301.634.936.616	299.835.434.397
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(59.695.070.732)	(56.859.991.351)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	823.022.505.753	557.098.597.472
1.	Hàng tồn kho	141		830.688.374.770	565.199.826.713
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.665.869.017)	(8.101.229.241)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		87.927.110.570	42.510.998.517
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	643.490.604	678.865.027
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		87.232.996.940	41.832.133.490
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	50.623.026	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.067.145.789.940	1.731.323.302.482
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		53.959.016.360	53.959.016.360
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	40.420.000.000	40.420.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	13.539.016.360	13.539.016.360
II.	Tài sản cố định	220		79.514.667.187	78.138.940.631
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	25.975.632.644	24.560.774.493
	- Nguyên giá	222		73.387.621.335	69.199.158.004
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.411.988.691)	(44.638.383.511)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	53.539.034.543	53.578.166.138
	- Nguyên giá	228		54.409.750.368	54.340.463.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(870.715.825)	(762.296.862)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.10	26.726.149.072	27.634.791.424
1.	Nguyên giá	231		46.190.085.959	46.190.085.959
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.463.936.887)	(18.555.294.535)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	1.048.978.383.686	533.716.724.935
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.048.978.383.686	533.716.724.935
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	172.218.044.732	236.109.528.267
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		137.838.933.246	138.636.414.911
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.379.111.486	97.473.113.356
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		685.749.528.903	801.764.300.865
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	121.637.106.846	112.927.371.583
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			31.351.641	-
6.	Lợi thế thương mại	269	V.13	564.081.070.416	688.836.929.282
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.874.798.189.860	3.153.237.926.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.279.502.880.266	1.601.067.711.533
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.429.471.205.032	947.163.671.803
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	388.189.629.494	166.906.109.519
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	458.788.241.239	247.041.016.497
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5.959.069.751	2.930.301.574
4.	Phải trả người lao động	314		4.267.577.496	5.451.959.624
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	14.474.878.446	14.501.803.011
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	3.927.680.063	4.349.214.995
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	38.285.120.962	52.377.106.703
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	513.216.612.179	451.110.540.644
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	1.529.406.290	1.365.767.124
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		832.989.112	1.129.852.112
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		850.031.675.234	653.904.039.730
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	42.397.141.340	54.490.306.533
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16	54.874.000.000	59.905.000.000
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	3.299.544.932	3.098.634.234
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	13.990.149.712	14.917.076.187
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	722.543.691.924	508.038.332.857
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	12.927.147.326	13.454.689.919
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.595.295.309.594	1.552.170.214.531
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.595.295.309.594	1.552.170.214.531
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		6.039.634.499	6.036.162.430
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.316.217.474	6.309.092.169
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(656.540.382.531)	(657.177.151.904)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(657.177.151.904)	(521.227.172.850)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		636.769.373	(135.949.979.054)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429s		240.479.890.152	198.002.161.836
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.874.798.189.860	3.153.237.926.064

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	260.122.088.597	272.670.490.512
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	6.821.822	170.217.386
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		260.115.266.775	272.500.273.126
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	224.416.830.731	248.128.640.929
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.698.436.044	24.371.632.197
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	12.502.790.122	506.519.695
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	17.410.124.322	6.788.964.796
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.371.072.165	6.350.172.255
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.06	(897.481.665)	389.730.018
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	6.611.067.956	5.877.285.034
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	86.531.768.498	79.721.522.014
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.249.216.275)	(67.119.889.934)
12.	Thu nhập khác	31	VI.08	1.749.563.196	723.710.833
13.	Chi phí khác	32	VI.09	4.631.345.523	2.847.587.378
14.	Lợi nhuận khác	40		(2.881.782.327)	(2.123.876.545)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(66.130.998.602)	(69.243.766.479)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	605.302.140	397.247.740
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(558.894.234)	(527.542.593)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(66.177.406.508)	(69.113.471.626)
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(2.683.429.957)	(346.564.823)
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(63.493.976.551)	(68.766.906.803)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3	(363)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3	(363)

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(66.130.998.602)	(69.243.766.479)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và lợi thế thương mại	02		70.233.702.102	4.167.839.958
-	Các khoản dự phòng	03		(2.399.719.157)	(2.317.180.639)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	740.494
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.488.439.044)	(471.002.046)
-	Chi phí lãi vay	06		17.371.072.165	6.350.172.255
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		6.585.617.464	(61.513.196.457)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(203.942.401.585)	(266.490.637.637)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(256.361.795.659)	(4.520.350.062)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		432.426.837.405	253.001.077.960
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.674.360.840)	58.453.594.073
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(20.511.501.122)	(6.395.447.790)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.615.809.644)	(2.545.367.816)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.050.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(296.863.000)	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(53.390.276.981)	(30.009.277.729)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(480.637.215.121)	(136.091.422.101)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		18.181.818	271.636.367
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(2.144.218.658)	9.200.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(300.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		226.426.589.531	3.747.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.467.156.286	454.417.781
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(244.169.506.144)	(122.718.367.953)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		539.235.151.846	281.689.881.182
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(260.279.502.586)	(123.078.224.342)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(643.200.000)	(1.793.220.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		278.312.449.260	156.818.436.840
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.247.333.865)	4.090.791.158
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.924.371.013	18.843.807.743
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(740.494)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		38.677.037.148	22.933.858.407

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**04. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Các công ty đầu tư trực tiếp				
1. Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,63%	88,63%	88,49%
2. Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	60,00%
3. Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	97,34%	97,34%	97,34%
4. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	77,92%	77,92%	77,92%
5. Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00%	80,00%	80,00%
6. Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	54,90%	54,90%	54,90%
7. Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	99,97%	99,97%	99,97%
8. Công ty Cổ phần Địa Ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	78,68%	100,00%	69%
9. Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Số 078 đường Lương Định Của, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	100,00%	70,00%	-
Các công ty đầu tư gián tiếp				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng – Tự động hóa và truyền thông Vinacon	Số 421, đường Phan Bá Vành, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	31,43%	70,04%	70,04%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	48,11%	56,39%	96,73%
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	33,96%	85,00%	85,00%
4. Công ty Cổ phần Foodinco miền Trung	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	77,56%	99,53%	99,53%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
5. Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Số 57 đường Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	63,95%	75,00%	75,00%
5. Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Số 76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	100,00%	70,00%	-

- Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2017	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2017
1. Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35%	35%
2. Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Số 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30%	30%
3. Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	Tầng 10 tòa nhà Vinaplast, số 39A Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	50%	50%
4. Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước,	100%	40%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 áp dụng thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

Khấu hao nhà cửa được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.234.540.897	920.596.748
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.556.322.147	41.703.774.265
- Tiền đang chuyển	10.026.594.771	-
- Tương đương tiền	3.859.579.333	15.300.000.000
Cộng	<u>38.677.037.148</u>	<u>57.924.371.013</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	1.100.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.100.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Cộng		1.320.000.000	1.320.000.000		1.320.000.000	1.320.000.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	154.750.000.000	-	137.838.933.246	154.650.000.000	-	138.636.414.911
+ Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	12.000.000.000	-	12.202.440.125	12.000.000.000	-	12.202.440.125
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	-	93.084.494.718	110.250.000.000	-	93.968.706.566
+ Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	32.400.000.000	-	32.474.133.504	32.400.000.000	-	32.465.268.220
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	100.000.000	-	77.864.899	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	34.379.111.486	-	34.379.111.486	97.473.113.356	-	97.473.113.356
+ Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Thương mại Đông Á	34.078.866.950	-	34.078.866.950	97.172.868.820	-	97.172.868.820
+ Quỹ hỗ trợ phát triển trường ĐH kinh tế	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
+ Công ty CP Xây dựng 565	244.536	-	244.536	244.536	-	244.536
Cộng	189.129.111.486	-	172.218.044.732	252.123.113.356	-	236.109.528.267

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là giá trị khoản đầu tư được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư (VND)		Vốn góp theo mệnh giá của Công ty đầu tư (gián tiếp qua Công ty con) (VND)		Hoạt động kinh doanh chính	
	Giá trị	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị	Số đầu năm	Dự phòng
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000			110.250.000.000		Sản xuất sơn
Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng	40.000.000.000			12.000.000.000		Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	36.000.000.000			18.000.000.000		Xây dựng
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	100.000.000			100.000.000		Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
03. Phải thu của khách hàng						
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	192.547.220.622		(53.030.447.742)	219.474.757.239		(50.195.368.361)
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	54.685.900.177		-	74.533.653.387		-
- Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	2.538.626.334		-	2.538.626.334		-
- Công ty CP Xây lắp và TM COMA25	2.266.278.331		(2.266.278.331)	3.266.278.331		(3.266.278.331)
- Công ty TNHH Tân Hoàn Mỹ	5.846.024.545		(5.846.024.545)	5.846.024.545		(5.846.024.545)
- Công ty TNHH Chế biến nông sản và thức ăn chăn nuôi Việt Đức	3.211.307.118		(3.211.307.118)	3.211.307.118		(3.211.307.118)
- Ban QLDA phát triển điện lực - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.156.047.753		-	-		-
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	-		-	16.805.394.482		-
- Các đối tượng khác	108.843.036.364		(41.706.837.748)	113.273.473.042		(37.871.758.367)
Cộng	192.547.220.622		(53.030.447.742)	219.474.757.239		(50.195.368.361)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.295.010.397	8.914.421.347
+ Công ty Sơn Kansai - Alphanam	823.202.439	15.299.420
+ Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	4.607.119.004	5.750.129.402
+ Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	2.538.626.334	2.538.626.334
+ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 - Momota	320.807.620	14.163.158
+ Công ty CP WWB Alphanam	5.255.000	-
+ Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	596.203.033
Cộng	8.295.010.397	8.914.421.347

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	421.574.909.943	299.766.706.296
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	383.579.417.237	238.760.499.463
- Công ty cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	11.115.665.462	10.120.378.834
- Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế SALVADOR PÉREZ ARROYO và cộng sự	5.463.958.038	5.463.958.038
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	-	4.620.000.000
- Công ty TNHH tư vấn DP	-	5.100.000.000
- Công ty trách nhiệm hữu hạn ABB	-	5.940.905.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	21.415.869.206	29.760.964.961
Cộng	421.574.909.943	299.766.706.296

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	643.750.000	-	843.750.000	-
- Công ty CP Động Lực	643.750.000	-	843.750.000	-
b. Dài hạn	40.420.000.000	-	40.420.000.000	-
- Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam	40.420.000.000	-	40.420.000.000	-
Cộng	41.063.750.000	-	41.263.750.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngân hạn</i>	301.634.936.616	(6.664.622.990)	299.835.434.397	(6.664.622.990)
- Phải thu của người lao động	47.617.376	-	42.147.376	-
- Tạm ứng	2.651.848.883	-	2.338.297.269	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	209.025.329	-	1.062.027.649	-
- Phải thu khác	298.726.445.028	(6.664.622.990)	296.392.962.103	(6.664.622.990)
+ Thuế TNDN tạm nộp	3.286.048.917	-	1.524.945.742	-
+ Công ty Foodinco Savalakheth - Lào	5.354.163.215	(5.354.163.215)	5.354.163.215	(5.354.163.215)
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	220.000.000	-	220.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Hưng và Thương mại Đông Á(*)	275.011.029.866	-	275.000.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	14.855.203.030	(1.310.459.775)	14.293.853.146	(1.310.459.775)
<i>b. Dài hạn</i>	13.539.016.360	-	13.539.016.360	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.539.016.360	-	13.539.016.360	-
Cộng	315.173.952.976	(6.664.622.990)	313.374.450.757	(6.664.622.990)

(*) Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á số 01110/HĐHTKD.ĐA_MN ngày 01 tháng 10 năm 2016 để xây dựng dự án "Khu đô thị Golden City An Giang thuộc khu liên hợp văn hóa, thể thao, dịch vụ, hội chợ, triển lãm và dân cư - phường Mỹ Hòa". Thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên hoàn thành nghĩa vụ góp vốn đợt 1 cho Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á (ngày 25/10/2016). Kết quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên 41,62% và Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á 58,38%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	169.309.709	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	246.541.811.670	-	112.851.371.850	-
- Công cụ, dụng cụ	87.681.752	-	577.691.673	(82.147.794)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	426.740.500.219	-	324.366.748.056	(387.554.874)
- Thành phẩm	25.478.077.022	(7.665.869.017)	22.364.582.364	(7.631.526.573)
- Hàng hoá	131.633.657.576	-	105.002.095.948	-
- Hàng gửi bán	37.336.822	-	37.336.822	-
Cộng	830.688.374.770	(7.665.869.017)	565.199.826.713	(8.101.229.241)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	12.362.642.828	16.025.540.227	35.110.406.377	5.017.835.111	682.733.461	69.199.158.004
- Mua trong kỳ	-	267.600.000	-	107.046.364	-	374.646.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	4.297.156.874	-	-	-	4.297.156.874
- Thanh lý, nhượng bán	(172.800.000)	-	(310.539.907)	-	-	(483.339.907)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	12.189.842.828	20.590.297.101	34.799.866.470	5.124.881.475	682.733.461	73.387.621.335
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	7.147.015.954	11.784.756.358	20.364.671.529	4.662.494.311	679.445.359	44.638.383.511
- Khấu hao trong kỳ	56.512.464	749.380.181	2.358.609.474	92.442.968	-	3.256.945.087
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(172.800.000)	-	(310.539.907)	-	-	(483.339.907)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	7.030.728.418	12.534.136.539	22.412.741.096	4.754.937.279	679.445.359	47.411.988.691
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	5.215.626.874	4.240.783.869	14.745.734.848	355.340.800	3.288.102	24.560.774.493
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	5.159.114.410	8.056.160.562	12.387.125.374	369.944.196	3.288.102	25.975.632.644

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 18.065.780.670 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 89.118.381.317 đồng và 66.811.585.300 đồng đã được thế chấp đảm bảo khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý thang máy	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	52.257.150.000	642.383.000	1.440.930.000	54.340.463.000
- Mua trong kỳ	-	69.287.368	-	69.287.368
<i>Số dư cuối kỳ</i>	52.257.150.000	711.670.368	1.440.930.000	54.409.750.368
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	625.065.430	137.231.432	762.296.862
- Khấu hao trong kỳ	-	5.495.389	102.923.574	108.418.963
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	630.560.819	240.155.006	870.715.825
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	52.257.150.000	17.317.570	1.303.698.568	53.578.166.138
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	52.257.150.000	81.109.549	1.200.774.994	53.539.034.543

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
<i>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</i>	46.190.085.959	-	-	46.190.085.959
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	39.659.038.613	-	-	39.659.038.613
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>	18.555.294.535	908.642.352	-	19.463.936.887
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	18.555.294.535	908.642.352	-	19.463.936.887
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
<i>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</i>	27.634.791.424	-	908.642.352	26.726.149.072
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	21.103.744.078	-	908.642.352	20.195.101.726

Nguyên giá và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội lần lượt là 6.280.160.182 đồng và 5.920.359.334 đồng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm	-	4.297.156.874
- Xây dựng cơ bản	1.048.978.383.686	529.419.568.061
+ Công trình 58 Bạch Đằng	14.111.219.909	11.232.182.409
+ Công trình Bình Minh - Cao Viên	19.329.190.387	17.789.109.478
+ Tổ hợp căn hộ, thương mại và dịch vụ khách sạn Alphanam Luxury	978.199.414.985	500.398.276.174
+ Dự án Sa Pa	36.922.436.400	-
+ Khác	416.122.005	-
Cộng	1.048.978.383.686	533.716.724.935

12. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	643.490.604	678.865.027
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	284.747.956	62.653.329
- Các khoản khác	358.742.648	616.211.698
b. Dài hạn	121.637.106.846	112.927.371.583
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng	1.717.724.670	2.366.204.004
- Chi phí sửa chữa	9.571.076.325	5.435.959.228
- Chi phí thuê văn phòng tại Định Công	3.376.074.810	3.451.796.730
- Chi phí thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	11.912.422.925	12.056.234.867
- Chi phí thuê văn phòng tại 47 Vũ Trọng Phụng (*)	66.312.121.290	67.030.303.098
- Chi phí dự án Alphanam Luxury	13.392.224.634	7.451.870.630
- Chi phí thuê văn phòng tại Chợ Mơ	3.367.064.618	3.406.599.620
- Chi phí cải tạo 33 Bà Triệu	8.625.431.096	9.824.845.112
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.362.966.478	1.903.558.294
Cộng	122.280.597.450	113.606.236.610

(*): Là chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng, thời hạn từ 03 năm đến 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	461.799.095.933	-	46.179.909.594	-	415.619.186.339
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	139.903.208.615	-	12.718.473.511	57.936.146.239	69.248.588.865
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	33.294.635.182	-	3.026.785.017	-	30.267.850.165
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	53.839.989.552	-	4.894.544.505	-	48.945.445.047
Cộng	688.836.929.282	-	66.819.712.627	57.936.146.239	564.081.070.416

(*) Giảm khác của lợi thế thương mại trong kỳ do thanh lý một phần vốn tại Công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát.

14. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
a1. Vay ngắn hạn	451.110.540.644	451.110.540.644	239.495.132.789	161.770.787.312	513.216.612.179	513.216.612.179
- Vay ngân hàng	451.110.540.644	451.110.540.644	239.495.132.789	161.770.787.312	513.216.612.179	513.216.612.179
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	336.860.965.985	336.860.965.985	120.272.287.331	129.121.282.666	328.011.970.650	328.011.970.650
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.321.604.097	54.321.604.097	42.887.038.049	43.467.124.097	53.741.518.049	53.741.518.049
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	17.763.514.576	17.763.514.576	39.276.504.875	37.842.339.312	19.197.680.139	19.197.680.139
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.754.238.755	7.754.238.755	-	7.754.238.755	-	-
+ Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	23.500.000.000	23.500.000.000	15.200.000.000	23.500.000.000	15.200.000.000	15.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	13.521.608.557	13.521.608.557	22.908.744.407	16.557.580.502	19.872.772.462	19.872.772.462
+ Ngân hàng TMCP Quốc dân Việt Nam	220.000.000.000	220.000.000.000	-	-	220.000.000.000	220.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay đối tượng khác	58.134.251.250	58.134.251.250	33.401.965.583	750.500.000	75.167.442.891	75.167.442.891
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	1.095.800.000	1.095.800.000	147.500.000	750.500.000	492.800.000	492.800.000
+ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
+ Các tổ chức cá nhân khác	2.038.451.250	2.038.451.250	33.254.465.583	15.618.273.942	19.674.642.891	19.674.642.891
- Vay dài hạn đến hạn trả	56.115.323.409	56.115.323.409	85.820.879.875	31.899.004.646	110.037.198.638	110.037.198.638
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	7.440.000.000	7.440.000.000	-	3.720.000.000	3.720.000.000	3.720.000.000
- Chi nhánh Quảng Nam	125.000.000	125.000.000	62.500.000	62.500.000	125.000.000	125.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	46.721.380.785	46.721.380.785	84.343.908.563	26.702.033.334	104.363.256.014	104.363.256.014
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	828.942.624	828.942.624	414.471.312	414.471.312	828.942.624	828.942.624
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Á	508.038.332.857	508.038.332.857	392.551.512.603	178.046.153.536	722.543.691.924	722.543.691.924
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	508.038.332.857	508.038.332.857	392.551.512.603	178.046.153.536	722.543.691.924	722.543.691.924
b1. Từ 1 năm đến 5 năm	508.038.332.857	508.038.332.857	392.551.512.603	178.046.153.536	722.543.691.924	722.543.691.924
- Vay ngân hàng	281.250.000	281.250.000	-	62.500.000	218.750.000	218.750.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	9.260.000.000	9.260.000.000	-	-	9.260.000.000	9.260.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.234.332.329	3.234.332.329	1.063.113.671	2.784.332.329	1.513.113.671	1.513.113.671
- Chi nhánh Quảng Nam	89.350.132.447	89.350.132.447	-	89.350.132.447	-	-
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm			Trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
<i>phần Việt Á</i>									
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.314.952.870	2.314.952.870	-	414.471.312	1.900.481.558	1.900.481.558			
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	403.597.665.211	403.597.665.211	254.411.889.165	84.434.717.448	573.574.836.928	573.574.836.928			
+ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	137.076.509.767	1.000.000.000	136.076.509.767	136.076.509.767			
Cộng	959.148.873.501	959.148.873.501	632.046.645.392	339.816.940.848	1.235.760.304.103	1.235.760.304.103			

Đơn vị tính: VND

15. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty CP vật tư, thiết bị và đầu tư xây dựng M.E.I	388.189.629.494	388.189.629.494	166.906.109.519	166.906.109.519
- Công ty CP Delta Việt Nam	348.240.640	348.240.640	673.988.205	673.988.205
- Shanghai Yixin International Trade Co.,Ltd	98.523.614.152	98.523.614.152	49.204.687.330	49.204.687.330
- Công ty Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	460.335.021	460.335.021	5.161.096.328	5.161.096.328
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	4.330.364.527	4.330.364.527	24.575.629.587	24.575.629.587
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	13.547.566.483	13.547.566.483	14.247.566.483	14.247.566.483
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	-	-	833.722.765	833.722.765
- Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam VCCI	109.993.056.352	109.993.056.352	6.996.909.959	6.996.909.959
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	7.449.277.503	7.449.277.503	7.538.686.973	7.538.686.973
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	19.321.863.647	19.321.863.647	-	-
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	134.215.311.169	134.215.311.169	57.673.821.888	57.673.821.888
- Công ty CP Dịch vụ và thương mại Đông Á	42.397.141.340	42.397.141.340	54.490.306.533	54.490.306.533
Cộng	41.234.641.340	41.234.641.340	41.234.641.340	41.234.641.340
	1.162.500.000	1.162.500.000	13.255.665.193	13.255.665.193
	430.586.770.834	430.586.770.834	221.396.416.052	221.396.416.052

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán ngắn hạn	26.105.345.855	26.105.345.855	14.247.566.483	14.247.566.483
- Công ty Son Kansai - Alphanam	350.474.438	350.474.438	-	-
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	18.234.024.296	18.234.024.296	-	-
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	7.520.847.121	7.520.847.121	14.247.566.483	14.247.566.483
Phải trả cho người bán dài hạn	1.162.500.000	1.162.500.000	13.255.665.193	13.255.665.193
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	1.162.500.000	1.162.500.000	13.255.665.193	13.255.665.193
Cộng	27.267.845.855	27.267.845.855	27.503.231.676	27.503.231.676

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	458.788.241.239	458.788.241.239	247.041.016.497	247.041.016.497
- Người mua trả tiền trước về mua căn hộ tại dự án Alphanam Luxury	328.477.891.648	328.477.891.648	152.485.574.192	152.485.574.192
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	4.290.909.091	4.290.909.091	4.290.909.091	4.290.909.091
- Ban quản lý Dự án Sờ Y tế Hà Nội	7.330.000.000	7.330.000.000	7.330.000.000	7.330.000.000
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	67.218.469.227	67.218.469.227	24.781.021.060	24.781.021.060
- Công ty TNHH Đầu tư và TM Mon	-	-	14.887.925.232	14.887.925.232
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	51.470.971.273	51.470.971.273	43.265.586.922	43.265.586.922
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	54.874.000.000	54.874.000.000	59.905.000.000	59.905.000.000
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Momota	54.874.000.000	54.874.000.000	59.905.000.000	59.905.000.000
Cộng	513.662.241.239	513.662.241.239	306.946.016.497	306.946.016.497

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	67.218.469.227	67.218.469.227	24.781.021.060	24.781.021.060
	67.218.469.227	67.218.469.227	24.781.021.060	24.781.021.060
Cộng	67.218.469.227	67.218.469.227	24.781.021.060	24.781.021.060

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
 - Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông A

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số tiền phải nộp cuối kỳ	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số tiền phải nộp cuối kỳ			
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.434.507.954	25.159.753.856	22.446.914.220	-	-	4.147.347.590			
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.186.013.236	1.186.013.236	-	-	-			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.166.471.603	2.411.753.879	2.615.809.644	-	-	962.415.838			
- Thuế thu nhập cá nhân	-	322.532.017	1.732.252.351	1.212.268.045	-	-	842.516.323			
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	179.483.956	179.483.956	-	-	-			
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	138.528.845	189.151.871	50.623.026	-	-			
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	6.790.000	772.771.407	772.771.407	-	-	6.790.000			
Cộng	-	2.930.301.574	31.580.557.530	28.602.412.379	50.623.026	50.623.026	5.959.069.751			

115/ 2020/CT-PT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	14.474.878.446	14.501.803.011
- Chi phí lãi vay	12.582.627.299	13.902.731.928
- Chi phí thuê nhà	733.112.602	-
- Trích trước chi phí tiền lương	744.534.000	-
- Các khoản trích trước khác	414.604.545	599.071.083
Cộng	14.474.878.446	14.501.803.011

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	38.285.120.962	52.377.106.703
- Tài sản thừa chờ giải quyết	492.904.786	492.904.786
- Kinh phí công đoàn	1.954.482.927	1.846.993.235
- Bảo hiểm xã hội	215.650.832	4.342.255
- Bảo hiểm y tế	36.858.140	720.140
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.526.962	320.062
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	62.686.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.568.697.315	49.969.139.785
+ Công ty TNHH Đầu tư và TM Mon	-	20.000.000.000
+ Ban quản lý tòa nhà chung cư Alphanam Apartment Đà Nẵng	1.279.354.720	-
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	19.508.502.679	14.937.905.747
+ Công ty TNHH Hoàng Tử	2.914.022.345	-
+ Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	1.100.000.000	-
+ Các đối tượng khác	10.766.817.571	15.031.234.038
b. Dài hạn	13.990.149.712	14.917.076.187
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.990.149.712	14.917.076.187
Cộng	52.275.270.674	67.294.182.890

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	3.927.680.063	4.349.214.995
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhận trước	2.059.594.536	2.155.077.744
- Doanh thu cho thuê biển quảng cáo nhận trước	-	327.600.000
- Doanh thu nhận trước về bảo trì thang máy ngắn hạn	1.868.085.527	1.866.537.251
b. Dài hạn	3.299.544.932	3.098.634.234
- Doanh thu nhận trước về bảo trì thang máy dài hạn	288.667.272	348.914.824
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhận trước	3.010.877.660	2.749.719.410
Cộng	7.227.224.995	7.447.849.229

21. Dự phòng phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.529.406.290	1.365.767.124
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.529.406.290	1.365.767.124
Cộng	1.529.406.290	1.365.767.124

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
 - Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	12.927.147.326	13.454.689.919
	12.927.147.326	13.454.689.919

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	6.036.162.430	6.309.092.169	(508.422.267.073)	183.589.627.820	1.686.512.565.346
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	(135.949.979.054)	1.457.156.589	(134.492.822.465)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	-	-	-	-	(1.580.800.000)	(1.580.800.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(12.804.905.777)	14.536.177.427	1.731.271.650
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	6.036.162.430	6.309.092.169	(657.177.151.904)	198.002.161.836	1.552.170.214.531
Số dư đầu năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	6.036.162.430	6.309.092.169	(657.177.151.904)	198.002.161.836	1.552.170.214.531
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	(63.493.976.551)	(2.683.429.957)	(66.177.406.508)
Tăng khác	-	-	3.472.069	7.125.305	64.130.745.924	45.804.358.273	109.945.701.571
Cổ tức của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	-	-	-	-	(643.200.000)	(643.200.000)
Số dư cuối kỳ	1.924.844.130.000	74.155.820.000	6.039.634.499	6.316.217.474	(656.540.382.531)	240.479.890.152	1.595.295.309.594

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
+ Vốn góp của các cổ đông	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
Cộng	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	169.768,56	276.812,12
- EUR	215,71	215,69
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.845.536.414	7.845.536.414

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Doanh thu bán hàng hóa	26.606.302.398	187.608.370.200
- Doanh thu bán thành phẩm	22.393.270.460	39.000.510.927
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.735.105.808	19.424.785.198
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.663.472.419	15.683.788.841
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	182.723.937.512	10.953.035.346
Cộng	260.122.088.597	272.670.490.512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chiết khấu thương mại	6.821.822	-
- Hàng bán bị trả lại	-	170.217.386
Cộng	6.821.822	170.217.386

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.059.026.623	180.586.932.976
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	18.294.909.716	31.957.339.103
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.481.729.225	14.734.021.337
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	6.616.782.993	10.777.144.788
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	166.930.039.730	9.771.691.237
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	34.342.444	-
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	-	301.511.488
Cộng	224.416.830.731	248.128.640.929

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.467.262.497	454.417.781
- Lãi chênh lệch tỷ giá	34.740.269	10.176
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư ngắn hạn	787.356	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	51.871.595
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	220.143
Cộng	12.502.790.122	506.519.695

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	17.371.072.165	6.350.172.255
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.048.327	44.200.355
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	-	394.558.395
- Chi phí tài chính khác	3.830	33.791
Cộng	17.410.124.322	6.788.964.796

06. Lãi lỗ từ Công ty liên kết

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi lỗ từ Công ty TNHH Kansai Alphanam	(884.211.848)	384.885.451
- Lãi lỗ từ Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	-	4.844.567
- Lãi lỗ từ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	(22.135.101)	-
- Lãi lỗ từ Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	8.865.284	-
Cộng	(897.481.665)	389.730.018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	86.531.768.498	79.721.522.014
- Chi phí nhân viên quản lý	8.954.090.650	5.084.340.175
- Chi phí vật liệu quản lý	55.896.568	173.439.843
- Chi phí đồ dùng văn phòng	409.693.163	366.387.716
- Chi phí khấu hao TSCĐ	845.704.118	1.091.451.618
- Thuế, phí và lệ phí	503.429.184	122.766.204
- Chi phí dự phòng	2.835.079.381	(891.803.722)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.227.621.491	1.564.740.883
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.880.541.316	2.318.232.746
- Lợi thế thương mại	66.819.712.627	69.891.966.551
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	6.611.067.956	5.877.285.034
- Chi phí nhân viên	4.400.230.145	3.984.865.263
- Chi phí vật liệu, bao bì	26.813.333	9.456.681
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	76.586.020	72.667.586
- Chi phí khấu hao TSCĐ	414.516.810	242.138.612
- Chi phí bảo hành	177.829.031	201.858.626
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.951.275	834.741.363
- Chi phí bằng tiền khác	672.141.342	531.556.903
Cộng	93.142.836.454	85.598.807.048

08. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	18.181.818	10.000.003
- Thu tiền tài trợ	303.000.000	112.457.000
- Hoàn nhập các khoản trích trước về chi phí bảo hành công trình	409.083.338	468.179.973
- Thu từ công nợ không phải trả nhà cung cấp	606.853.264	-
- Các khoản khác	412.444.776	133.073.857
Cộng	1.749.563.196	723.710.833

09. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí phát sinh tại tòa nhà 33 Bà Triệu	3.844.163.210	-
- Các khoản bị phạt	299.552.302	2.768.591.636
- Các khoản khác	487.630.011	78.995.742
Cộng	4.631.345.523	2.847.587.378

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	605.302.140	397.247.740
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	605.302.140	397.247.740

11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(558.894.234)	(527.542.593)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(558.894.234)	(527.542.593)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(63.493.976.551)	(68.766.906.803)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	64.130.745.924	(1.162.270.442)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	636.769.373	(69.929.177.245)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.484.413	192.484.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	(363)

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(63.493.976.551)	(68.766.906.803)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	64.130.745.924	(1.162.270.442)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	636.769.373	(69.929.177.245)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3	(363)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.400.093.283	21.535.431.393
- Chi phí nhân công	30.820.511.287	19.150.240.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.516.571.615	4.167.300.521
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.201.580.721	39.207.879.999
- Chi phí khác bằng tiền	13.867.380.866	6.321.147.191
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.181.749.611	(891.803.722)
Cộng	401.987.887.383	90.381.999.253

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
<i>Hội đồng quản trị</i>	
<i>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT</i>	
Vay tiền không tính lãi	147.500.000
Trả tiền vay	750.500.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Hội đồng quản trị</i>		
<i>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT</i>		
Vay ngắn hạn	492.800.000	1.095.800.000
Phải trả khác	19.508.502.679	14.937.905.747
Ban Tổng Giám đốc		
<i>Bà Đỗ Thị Minh Anh – Phó Tổng Giám đốc</i>		
Vay ngắn hạn	260.770.000	260.770.000
Phải trả khác	600.000	600.000
Cộng nợ phải trả	20.262.672.679	16.295.075.747

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tiền lương	789.925.348	428.248.875
Cộng	789.925.348	428.248.875

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng hệ thống

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.023.715.480	1.387.861.109
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	54.275.034	20.509.317
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	78.200.724
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Đông Á		
- Cung cấp dịch vụ	139.331.000	542.002.757
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	32.266.015.238	42.711.224.784
- Lãi vay phải trả	245.776.077	1.288.502.177

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.15, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
- Trả trước cho người bán	11.115.665.462	10.340.094.218
- Phải thu khác	220.000.000	220.000.000
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam		
- Phải thu khác	5.694.118	-
Cộng nợ phải thu	11.341.359.580	10.560.094.218
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
- Người mua trả tiền trước	-	35.528.723
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
- Người mua trả tiền trước	67.218.469.227	24.781.021.060
- Phải trả, phải nộp khác	481.299.340	235.523.263
Cộng nợ phải trả	67.699.768.567	25.052.073.046

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty và công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn, bột mỳ, bao bì;
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Bất động sản	Xây dựng	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.599.480.576	22.393.270.460	16.735.105.808	11.663.472.419	182.723.937.512	260.115.266.775
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	31.211.791.521 (4.612.310.945)	26.813.292.998 (4.420.022.538)	17.847.750.918 (1.112.645.110)	11.053.559.150	236.438.088.463 (53.714.150.951)	323.364.483.050 (63.249.216.275)
- Lợi nhuận từ hoạt động KD						
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	374.557.798	315.328.491	235.653.639	477.138.667.217	2.573.007.977	480.637.215.122
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.178.969.768	992.537.760	741.750.718	516.960.522	8.098.879.883	11.529.098.651
Số dư tại ngày 30/6/2017						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	422.214.790.848	508.898.896.660	182.689.573.417	554.065.348.071	1.994.714.498.984	3.662.583.107.980
- Tài sản không phân bổ						212.215.081.880
Tổng tài sản	422.214.790.848	508.898.896.660	182.689.573.417	554.065.348.071	1.994.714.498.984	3.874.798.189.860
- Nợ phải trả bộ phận	233.017.601.237	196.170.227.893	146.603.397.035	102.174.715.683	1.600.703.949.306	2.278.669.891.154
- Nợ phải trả không phân bổ						832.989.112
Tổng nợ phải trả	233.017.601.237	196.170.227.893	146.603.397.035	102.174.715.683	1.600.703.949.306	2.279.502.880.266

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND					
	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Bất động sản	Xây dựng	Cộng
Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	187.438.152.814	39.000.510.927	19.424.785.198	15.683.788.841	10.953.035.346	272.500.273.126
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	243.518.986.987	45.051.697.019	21.255.861.277	15.037.497.753	14.756.120.024	339.620.163.060
- Chi phí phân bổ	(56.080.834.173)	(6.051.186.092)	(1.831.076.079)	646.291.088	(3.803.084.678)	(67.119.889.934)
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	15.043.991.954	3.130.223.830	1.559.054.589	1.258.798.113	879.102.643	21.871.171.130
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.491.235.924	1.350.640.271	672.706.499	543.150.751	379.318.380	9.437.051.826
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.489.787.964.261	384.482.245.213	145.819.617.040	375.611.428.483	82.223.170.208	2.477.924.425.205
Số dư tại ngày 30/6/2016	1.489.787.964.261	384.482.245.213	145.819.617.040	375.611.428.483	82.223.170.208	2.477.924.425.205
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	758.857.611.542	157.896.533.479	78.642.719.632	63.497.011.474	44.344.196.295	241.176.772.496
- Tài sản không phân bổ	730.930.352.719	226.588.661.734	66.976.897.408	312.118.417.010	39.977.973.963	1.104.378.924.534
Tổng tài sản	1.489.787.964.261	384.482.245.213	145.819.617.040	375.611.428.483	82.223.170.208	2.719.101.197.701
- Nợ phải trả bộ phận	758.857.611.542	157.896.533.479	78.642.719.632	63.497.011.474	44.344.196.295	1.103.238.072.422
- Nợ phải trả không phân bổ	730.930.352.719	226.588.661.734	66.976.897.408	312.118.417.010	39.977.973.963	1.140.852.112
Tổng nợ phải trả	758.857.611.542	157.896.533.479	78.642.719.632	63.497.011.474	44.344.196.295	1.104.378.924.534

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.677.037.148	-	57.924.371.013	-
Phải thu về cho vay	41.063.750.000	-	41.063.750.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	491.273.665.650	(59.695.070.732)	515.867.719.342	(56.859.991.351)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.320.000.000	-	1.320.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	34.379.111.486	-	97.473.113.356	-
Cộng	606.713.564.284	(59.695.070.732)	713.848.953.710	(56.859.991.351)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	430.586.770.834	221.396.416.052	430.586.770.834	221.396.416.052
Vay và nợ	1.235.760.304.103	959.148.873.501	1.235.760.304.103	959.148.873.501
Chi phí phải trả	14.474.878.446	14.501.803.011	14.474.878.446	14.501.803.011
Các khoản phải trả khác	35.568.697.315	49.969.139.785	35.568.697.315	49.969.139.785
Cộng	1.716.390.650.698	1.245.016.232.349	1.716.390.650.698	1.245.016.232.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	388.189.629.494	42.397.141.340	-	430.586.770.834
Vay và nợ	513.216.612.179	722.543.691.924	-	1.235.760.304.103
Chi phí phải trả	14.474.878.446	-	-	14.474.878.446
Các khoản phải trả khác	35.568.697.315	-	-	35.568.697.315
Cộng	<u>951.449.817.434</u>	<u>764.940.833.264</u>	<u>-</u>	<u>1.716.390.650.698</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	166.906.109.519	54.490.306.533	-	221.396.416.052
Vay và nợ	451.110.540.644	508.038.332.857	-	959.148.873.501
Chi phí phải trả	14.501.803.011	-	-	14.501.803.011
Các khoản phải trả khác	49.969.139.785	-	-	49.969.139.785
Cộng	<u>682.487.592.959</u>	<u>562.528.639.390</u>	<u>-</u>	<u>1.245.016.232.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn